

MỐI QUAN HỆ GIỮA YẾU TỐ NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH TRONG GIAO LƯU TIẾP BIẾN VĂN HÓA VIỆT - KHMER

NGUYỄN THỊ TÂM ANH(*)

Toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên thế giới hiện đại, không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng sang các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, pháp luật, khoa học, công nghệ...

Và, trong sự vận hành của xu thế toàn cầu hóa này thì không một nền văn hóa nào của bất cứ một cộng đồng tộc người nào có thể hoạt động và tồn tại đơn lẻ, riêng biệt. Lịch sử đã chứng minh rằng, mỗi dân tộc cũng như mọi sinh vật chỉ tồn tại và phát triển được trong quá trình trao đổi giữa bản thân mình với thế giới xung quanh. Quá trình gặp gỡ và trao đổi ấy được gọi là giao lưu và tiếp biến văn hóa.

Sự giao lưu tiếp biến văn hóa ấy chính là sự vận động thường xuyên của xã hội, gắn bó với tiến hóa xã hội và cũng gắn bó với sự phát triển của văn hóa, là sự vận động thường xuyên của văn hóa. Nó vừa là kết quả của sự trao đổi văn hóa, vừa là chính bản thân của sự trao đổi ấy, do đó, giao lưu tiếp biến văn hóa có một tầm quan trọng trong lịch sử nhân loại, vì chính quá trình này là động lực thúc đẩy sự phát triển, đổi mới của lịch sử. Như vậy, giao lưu tiếp biến văn hóa là quy luật của xã hội, là quy luật tất yếu của văn hóa tộc người.

Trong giao lưu tiếp biến văn hóa có sự tác động biện chứng giữa các yếu tố nội sinh và ngoại sinh của quá trình phát triển. Yếu tố nội



Chùa Thiên Phước của Việt kiều ở Campuchia, phường Phsar đêpô 2, quận ToulKok.

sinh chính là yếu tố văn hóa được hình thành từ nền văn hóa bản địa, có một quá trình lâu dài, liên tục bổ sung và phát triển, có đặc trưng riêng và đóng vai trò quyết định trong tiến trình phát triển của một nền văn hóa. Còn yếu tố ngoại sinh là những yếu tố văn hóa của một nền văn hóa khác từ bên ngoài đã được lựa chọn một cách có ý thức hoặc không có ý thức trong quá trình giao lưu tiếp biến với các yếu tố của văn hóa nội sinh. Và, kết quả của quá trình này có thể diễn ra như sau:

Thứ nhất, nếu nền văn hóa nội sinh không đủ mạnh trong quá trình tương tác sẽ bị yếu tố văn hóa ngoại sinh lấn át, chi phối và có thể làm triệt tiêu.

Thứ hai, nếu yếu tố nội sinh đủ mạnh (có đủ nội lực) thì nó sẽ tiếp nhận những yếu tố ngoại sinh thích hợp một cách có ý thức để làm giàu thêm nền văn hóa nội sinh.

(*) Giáo viên Cơ hữu, Khoa Đông Nam Á học - Đại học Mở Bán công TP. HCM.

Kết quả thứ ba đem lại kết quả mỹ mãn nhất khi mà sự gặp gỡ giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh thích hợp nhau, từ đó sẽ dẫn đến hiện tượng cộng sinh văn hóa nghĩa là các nền văn hóa bổ sung cho nhau để làm giàu thêm, phong phú thêm nền văn hóa của riêng mình.



Gia đình người Việt ở quận MeanChey, cách Phnôm Pênh 15 km

Như chúng ta đã biết, Việt Nam và Campuchia đều là những nước trong khu vực Đông Nam Á, thuộc bán đảo Đông Dương nên từ cái nôi của nền văn minh nông nghiệp lúa nước đặc trưng ấy đã làm nên những nét tương đồng về văn hóa giữa hai quốc gia này. Và trên lãnh thổ của cả Việt Nam lẫn Campuchia đều tồn tại một cộng đồng kiều bào định cư sinh sống. Trong quá trình chuyển cư và định cư này, tất yếu sẽ có giao lưu văn hóa, sẽ có trao đổi, có ảnh hưởng lẫn nhau, có mâu thuẫn thậm chí dẫn đến xung đột...

Vậy, sự giao lưu tiếp biến văn hóa giữa hai dân tộc này sẽ dẫn đến kết quả ra sao?

Đầu tiên, xin đề cập đến hiện tượng các yếu tố ngoại sinh lấn át các yếu tố văn hóa nội sinh làm triệt tiêu đi yếu tố văn hóa nội sinh.

Chúng ta xét đến cộng đồng người Việt ở Campuchia. So với kiều bào sinh sống tại các nước khác trên thế giới thì Việt kiều ở Campuchia có đời sống vô cùng khổ cực, vất vả. Việt kiều thiếu thốn cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, thế nhưng, điều đáng trân trọng là đa số bà con Việt kiều vẫn bảo tồn và duy trì những nét văn hóa truyền thống của dân tộc Việt tuy rằng do hoàn cảnh, một số phong tục của quê hương đã không còn tồn tại trên mảnh đất Campuchia. Ví dụ như nghệ thuật cải lương. Trước đây, kiều bào ở

Campuchia có đoàn cải lương đi biểu diễn nhiều nơi cho bà con thưởng thức. Thế nhưng, từ khi LonNol tiến hành đảo chính (năm 1970) đã cấm hình thức nghệ thuật này không cho biểu diễn trên đất nước Campuchia. Đến nay, cải lương đã mất hẳn không còn thấy tại Campuchia nữa.

Hay như phong tục gói bánh chưng trong ngày Tết của ta thì Việt kiều cũng gần như đánh mất hẳn. Hiện tại, ngày Tết Âm lịch của ta, Chính phủ Campuchia cho Việt kiều nghỉ 5 ngày. Trong ngày Tết này, một số hộ có điều kiện sẽ mua bánh chưng và thậm chí cả cành mai từ Việt Nam chuyển lên vì không có ai trồng mai tại Campuchia.

Yếu tố quan trọng có thể dẫn đến nguy cơ "diệt tộc" văn hóa là khi ngôn ngữ bản địa của một dân tộc bị mất đi nhưng đối với cộng đồng người Việt ở Campuchia cũng như cộng đồng người Khmer ở Việt Nam nói chung đều không xảy ra. Ở Campuchia, hiện nay có 2 trường dạy tiếng Việt cho con em Việt kiều tại thủ đô Phnôm Pênh, tuy rằng chỉ có đến lớp 5 nhưng cũng là biện pháp duy trì nền văn hóa của quê hương. Và cả đối với người Khmer ở Việt Nam cũng được nhà nước cho học tiếng Khmer tự do. Chủ yếu các chùa chiền vừa là nơi tế lễ vừa truyền dạy tiếng Khmer cho bà con Khmer. Tại Thông tấn xã Việt Nam - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cũng có lớp dạy tiếng Khmer cho những cá nhân có nhu cầu do thầy Ngô Chân Lý phụ trách.

Bên cạnh đó, nếu yếu tố văn hóa nội sinh đủ mạnh sẽ có khả năng "bản địa hóa" các yếu tố văn hóa ngoại sinh. Chẳng hạn, chiếc khăn Krama của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đã được người Việt "bản địa hóa" thành chiếc khăn rằn đặc trưng cho dân cư Việt Nam sinh sống tại đồng bằng Nam bộ.

Đối với người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long cũng vậy. Người Khmer đã ảnh hưởng truyện cổ tích "Thạch Sanh Lý Thông" của Việt Nam nhưng đã "bản địa hóa" thành truyện cổ tích của người dân Khmer là "Chau Sanh Chau Thông". Và, ở đây, ta thấy nội dung đều mang ý nghĩa tương đồng nêu lên lẽ phải luôn chiến thắng cái ác và người lương thiện bao giờ cũng được đền đáp và sống hạnh phúc. Phải chăng nguyên nhân là do xuất phát từ tư tưởng Phật giáo? Thể hiện quan điểm nhân đạo, bản chất hiền hòa...

Ngoài những hiện tượng nêu trên, nhìn chung giữa người Việt và người Khmer chủ yếu ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa. Hiện tượng cộng sinh này càng làm phong phú và đa dạng hơn nền văn hóa của từng tộc người. Hơn thế nữa, nó sẽ thắt chặt sợi dây đoàn kết thân ái giữa hai dân tộc. Một mặt vẫn duy trì những nét văn hóa bản địa, một mặt giao thoa văn hóa nhằm bổ sung và làm giàu thêm văn hóa của mình.

Ví dụ, người Việt tại Campuchia trong ngày lễ Tết Chol Chnam Thmay (từ ngày 14 - 16 tháng 4 Dương lịch) của người Khmer vẫn tham gia tích cực, hưởng ứng các trò chơi dân gian rất vui vẻ. Còn trong ngày Tết Âm lịch của người Việt và người Hoa, người Khmer cũng nhiệt tình ủng hộ và để người Việt tự do thưởng xuân theo phong tục. Họ cùng làm bánh tét [bánh tét (chrut) của người Khmer giống người Việt nhưng dài tới 4 tấc], đi lễ chùa, thăm hỏi lẫn nhau...

Đối với tập tục tang ma, người Khmer chủ yếu theo Phật giáo Tiểu thừa nên thường hỏa táng, sau đó gửi vào chùa, còn người Việt thường mai táng, tuy vậy, chúng ta vẫn thấy có sự ảnh hưởng nhau như tang ma của người Việt cũng có nơi hỏa táng hoặc người Khmer cũng có thể mai táng khi có người chết tùy từng vùng... Ngày trước, trong đám tang của người Khmer thường lễ nghi không hát xướng, kèn trống, để không gian yên tĩnh... Trong khi Việt kiều tại Campuchia lại có dàn nhạc lễ, âm công khi tang ma, tụng kinh... dần dần theo thời gian tang lễ của người Khmer cũng có dàn ngũ âm, kèn trống...

Về ẩm thực. Hầu hết người Khmer rất thích ăn các món ăn của người Việt, đặc biệt có món chả giò của người Việt đã được người Khmer đưa vào danh mục các món ăn khô của họ.

Song song với việc đó thì người Việt cũng có thể dùng được món mắm prahoc (bò hóc), bún nước lèo của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Hay như món bún mắm hiện nay chúng ta thấy rất phổ biến tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, đối với cộng đồng người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long chúng ta lại càng thấy rõ hơn sự giao lưu văn hóa với người Việt ở các mặt:

Người Khmer đã tiếp nhận kiểu nhà trên nền đất và cách bố trí trong nhà cũng tương đối giống người Việt.

Về trang phục. Cách nay khoảng nửa thế kỷ, y phục thường ngày của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long là áo dài "tampong" (còn gọi là áo "srây" hay áo "quện") mặc với "sampot" dài tới gót chân, giắt mối bên hông. Áo tampong (có nơi gọi là áo tằm vòng) là một loại áo dài đen may bít, không xẻ và không cài nút ở thân, ở cổ áo có khoét một lỗ tròn đủ để choàng qua đầu khi mặc sau đó cài một nút ngay cổ áo. Trong quá trình cộng cư, người Khmer đã ảnh hưởng và thích nghi cách ăn mặc của người Việt.

Do đó, áo tampong chỉ còn thấy ở người phụ nữ Khmer lớn tuổi trong các dịp lễ hội truyền thống nhưng không đi đôi với chiếc sampot mà thay bằng quần dài đen như phụ nữ Việt.

Về thức uống. Có điều khá lý thú là người Khmer rất thích đồ uống có vị ngọt đậm. Họ thường uống nước thốt nốt, nước mía... Ngày nay, người Khmer đã tiếp thu các loại nước giải khát như nước ngọt sá xị, si rô và được dùng rộng rãi nhất là trà đá đường.

Về ngôn ngữ. Đại đa số cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long nơi sống quần cư của đồng bào Việt - Khmer có thể sử dụng cả 2 thứ tiếng để giao tiếp.

Về văn hóa tín ngưỡng. Người Khmer đã tiếp thu một số phong tục tập quán của người Việt ví dụ như trước đây, việc thờ cúng ông bà của người Khmer chủ yếu diễn ra tập trung ở các chùa mà thôi, nhưng ngày nay, như người Việt, người Khmer cũng lập bàn thờ tại nhà. Chúng ta còn có thể thấy tượng Quan Công, Quan Âm Bồ tát trên bàn thờ của người Khmer. Ở nhiều nơi, còn thấy bên ngoài trước nhà cũng có bàn Thiên.

Đặc biệt, trong lễ hội thì cả hai dân tộc đều vui chung. Người Việt hưởng ứng nhiệt tình ví như lễ hội Đua ghe Ngo ở Sóc Trăng...

Một nét ảnh hưởng nữa trong lễ hội như đối với lễ cắt tóc của người Khmer: nghĩa là khi đứa trẻ được 7 ngày, người ta tổ chức lễ cắt tóc trả ơn bà mẹ. Lễ vật gồm 2 mâm cơm, chè và một thúng lúa gói là "chơn tơ bông" để cúng tổ tiên; một phần khác gồm một thúng lúa, dứa,

rượu, gà luộc với một ít tiền dùng biếu bà mẹ gọi là tạ ơn. Gia đình mời bà con, hàng xóm đến cúng tổ tiên, kể đó họ cắt tóc (cạo đầu), đặt tên và cột tay cầu chúc cho bé mau lớn, khỏe mạnh, sống lâu. Sau đó, người mẹ biếu lễ vật cho bà mẹ và mời mọi người dâng cơm rồi kết thúc lễ. Ngày nay, người Khmer đã biến lễ này thành lễ ăn đầy tháng như người Việt với vật cúng là xôi, chè...

Trong nghệ thuật múa, điệu múa Lâm Thôn trở thành một nét sinh hoạt tinh thần không thể thiếu trong các hoạt động vui chơi tập thể không chỉ của người Khmer mà của cả người Việt. Múa Lâm Thôn có nghĩa là "múa vòng". Giữa cuộc vui, tiếng nhạc nổi lên rộn rã, thế là tất cả mọi người có mặt đều lần lượt bước ra vòng múa. Người con trai chủ động mời bạn gái nào đó múa cùng với mình. Trong múa đôi, động tác múa chính của nữ là hai bàn tay lượn đuối nhau và guồn tròn trước ngực kín đáo, còn động tác múa của nam thì khỏe hơn để bao lấy nữ và bước đuối theo. Có thể nói, người Việt tham gia và múa cũng chẳng kém gì người Khmer.

Bên cạnh đó, nghệ thuật múa Dù kê của người Khmer cũng có nội dung ảnh hưởng từ một vài tích dân gian: Phạm Công Cúc Hoa... Trong quan hệ xã hội, thể hiện qua tục ngữ thì giữa người Khmer và người Việt có nhiều điểm tương đồng. Ví dụ, người Việt có câu "Một con sâu làm rầu nồi canh" thì người Khmer có câu "Cá một giỏ, một con ươn thì ươn hết" hay như câu khuyên người ta nên đề phòng những người nói ngọt ngào đầu môi của người Việt là "Miệng nam mô, bụng bồ dao găm" thì người

Khmer nói là "Bụng ông Têvotót, miệng ông Têvoda"...

Tóm lại, chúng ta thấy sự giao lưu ở đây diễn ra một cách hoàn toàn tự nguyện, sâu sắc, toàn diện và tích cực. Mỗi dân tộc dù sinh sống trên mảnh đất lạ với những điều kiện khó khăn đều duy trì và lưu giữ những đặc trưng riêng của mình. Các dân tộc đều giữ được những nét bản sắc riêng của mình và tiếp thu có chọn lọc nhằm làm giàu thêm chất văn hóa của dân tộc mình. Hầu hết các yếu tố nội sinh đều giữ vai trò chủ thể, định hướng mối quan hệ với các yếu tố ngoại sinh.

Như vậy, trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa, sự đón nhận và chọn lọc các yếu tố ngoại sinh là luôn luôn cần thiết bởi nếu một nền văn hóa khép kín, ít giao lưu sẽ trở nên trì trệ và kém phát triển, thậm chí dẫn đến thoái hóa. Thế nhưng, muốn giao lưu trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay đòi hỏi phải có đủ bản lĩnh, nội lực, bản sắc phong phú và vững chắc.

Chúng ta coi giao lưu văn hóa ở thời đại ngày nay chính là điều kiện thuận lợi nhất để đất nước nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên theo quá trình phát triển tiến bộ của thế giới, vừa không ngừng nâng cao nền văn hóa của bản thân vừa góp phần vào nền văn hóa chung của nhân loại. Và, cần thiết nhất là dân tộc ấy phải biết phát huy nội lực văn hóa của mình để giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống song song với việc làm phong phú thêm kho tàng văn hóa của dân tộc.

TÓM TẮT

Giao lưu văn hóa ở thời đại ngày nay chính là điều kiện thuận lợi nhất để đất nước nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên theo quá trình phát triển tiến bộ của thế giới, vừa không ngừng nâng cao nền văn hóa của bản thân vừa góp phần vào nền văn hóa chung của nhân loại. Và, cần thiết nhất là, dân tộc ấy phải biết phát huy nội lực văn hóa của mình để giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống song song với việc làm phong phú thêm kho tàng văn hóa của dân tộc.

SUMMARY

Cultural exchanges during this era is the most beneficial condition for the country to quick eradicate poverty, backwardness, and in so doing, ascend to the progressive development process of the world, and not only upholding the individual culture but also contributing to the common culture of mankind. Most importantly, the people must know how to promote the inner force of their culture to preserve their traditional national character and at the same time enrich the culture treasure of the people.